

# Chân Trời Mới

Văn Phẩm Nguồn Sống – Cơ Quan Truyền Thông Tin Lành

## Thế Giới Ngày Nay

Trung Hoa

Các hãng truyền hình nước ngoài hiện được hoạt động tại Trung Hoa là: News Corp của Rupert Murdoch, MTV của Viacom, Phoenix Satellite Television Co. Ltd phát sóng rộng rãi. Tom Group Ltd và Time Warner tại Hongkong. Các hãng khác như CNN, BBC và Star TV được phát sóng hạn chế. Các công ty truyền hình nước ngoài phát sóng tại TH qua một hệ thống vệ tinh TH, vì vậy nhà nước TH có thể kiểm soát và ngăn chặn những tin tức nào bất lợi cho TH. Cuối tháng Bảy, 2005 TH ra lệnh cấm không cho thêm bất cứ kênh truyền hình mới nào vào TH.

Nhật

Nhật và Hoa-kỳ vừa kỷ niệm 60 năm (6/8/1945) ngày Mỹ bỏ bom hạt nhân đầu tiên xuống Hiroshima và ba ngày sau đó quả bom thứ hai vào Nagasaki, sát hại 140 nghìn người và hằng trăm nghìn người khác bị ảnh hưởng. Mỹ thực ra chỉ cần quả bom Hiroshima là đủ làm Nhật đầu hàng, nhưng lúc ấy quân Nga đang mở cuộc tấn công vào đông Á, nên Mỹ phải bỏ quả bom thứ nhì để tranh giành ảnh hưởng.

Cuộc tưởng niệm gây ra nhiều phê bình của những người thuộc thế hệ sau, và lên án gay gắt cả Mỹ lẫn Nhật.

Tàu ngầm

Vụ tàu ngầm Nga Priz với bảy thủy thủ bị sa vào một lưới đánh cá ngoài khơi bán đảo Kamchatka đầu tháng Tám làm cho người ta nhớ đến 13 vụ tai nạn tàu ngầm khác. Trong số đó nổi tiếng nhất là:

Tàu USS San Francisco của Mỹ đâm và đá ngầm trên đường đi Úc ngày 8-

1-2005, gần 100 thủy thủ nhưng chỉ có 1 người thiệt mạng.

Tàu ngầm USS Greenville của Mỹ đâm phải tàu đánh cá Nhật ngày 9-2-2001 làm cho 9 người Nhật chết.

Tàu ngầm nguyên tử Kursk của Nga bị chìm dưới đáy biển Barents khi tập trận ngày 12-8-2000. Tất cả 118 thủy thủ đều tử nạn.

Tàu ngầm Komsomolets của Nga bị cháy ngoài khơi Na-uy ngày 7-4-1989 làm cho 42 trong số 69 thủy thủ bỏ mạng.

Mùa hè 1983 một chiếc tàu ngầm Nga bị chìm tại bắc Thái Bình Dương làm cho 90 thủy thủ chết. Nhưng Nga giữ kín vụ này.

Tàu November của Nga chìm tại Vịnh Biscay, ngoài khơi Tây Ban Nha làm chết 52 người ngày 11-4-1970

Tàu ngầm Mỹ USS Thresher mất tích cách bờ biển New England 354 km ngày 10-4-1963. toàn bộ 129 thủy thủ cũng mất tích theo tàu.

Israel

Năm 1958 Anh từng bán 20 tấn *nước nặng* cho Israel để chế tạo plutoni mà không cho Mỹ biết. Nhờ đó Israel có lò phản ứng hạt nhân bí mật Dimona, nằm giữa sa mạc Negev.

Số *nước nặng* Anh bán cho Israel thật ra là Anh đặt mua từ Na-uy năm 1956, nhưng không sử dụng nên chuyển thẳng từ Na-uy bán cho Israel.

Thế giới thường lên án các nước có âm mưu chế bom hạt nhân, nhưng phớt lờ lò nguyên tử Dimona của Israel.

Các thông tin mới nhất cho hay rằng lò này có thể đã chế tạo được bom.

Saudi Arabia

Vua Fahd vừa từ trần, thọ 84 tuổi.

Nhưng khác hẳn với mọi người trên đời, nước này không tổ chức quốc tang, vì cho là không hợp với nguyên tắc của nhánh Hồi giáo Wahhabi, đến

việc treo cờ rũ cũng không áp dụng. Ngoài ra ông vua này còn được chôn cất trong một ngôi mộ bình thường trong một nghĩa trang công cộng tại Riyadh.

Saudi Arabia bị kể là một trong những nước thiếu tự do nhất trên thế giới ngày nay.

Dù là một nước sản xuất dầu nhiều nhất thế giới, Saudi Arabia vẫn có nhiều vấn đề xã hội. Chẳng hạn như một phần ba dân số không có việc làm, và phong trào phụ nữ đòi quyền tự do càng ngày càng phát triển. Hơn 60% dân số dưới 18 tuổi.

Nguy cơ cho Saudi Arabia sau khi Fahd từ trần là áp lực của al-Qaeda. Tổ chức này từng gây các vụ đánh bom ngay trong thủ đô nước này và theo nhiều quan sát viên thì Bin-Laden có âm mưu lật đổ hoàng gia, nên sẽ có nhiều hoạt động phá hoại sau khi ông vua Fahd qua đời.

Iraq

Mỗi ngày người ta nghe nhiều tin buồn từ Iraq, nhưng gia đình anh Luke Stricklin, thuộc tỉnh Arkadelphia, bang Arkansas lại có tin vui. Luke vừa lấy vợ xong thì tham gia chiến tranh Iraq, kể cũng buồn. Nhưng khi ở chiến trường, anh mượn laptop của người bạn để hát và thu vào một bài hát do anh viết. Bài hát nói về chiến tranh với những câu như: “*Tôi không quan tâm tại sao Bush không đi Iraq/ Tôi chỉ biết tôi làm gì ở đó, và tôi rất kiêu hãnh..*” Anh gửi e-mail về nhà. Bà mẹ đưa vào một đài địa phương, và bản nhạc thành ra phổ biến trên nhiều đài. Luke Stricklin vừa về Mỹ và bài “American by God’s Amazing Grace” của anh đã in ra 5000 bản và sẽ in 50.000 bản nữa. Bản nhạc này hiện chơi tại 40 đài trên toàn nước Mỹ. Luke Stricklin năm nay 22 tuổi.

# Bóng Tối & Ánh Sáng

Năm 1967 cuốn phim Wait Until Dark ra đời làm cho nữ siêu sao Audrey Hepburn được giải Oscar thứ năm. Wait Until Dark (Chờ Đến Tối) là một phim kinh hoàng, nhưng khung cảnh lại chỉ quanh quẩn trong một căn hộ ở basement (tầng hầm) của một khu nhà, vì cửa sổ của căn hộ này chỉ nhìn thấy chân người bước trên vỉa hè. Thành công của cuốn phim là vai một cô gái mù, do một tai nạn xe hơi gây ra, tên là Susy (Audrey Hepburn). Câu chuyện có thể tóm tắt như sau: Người chồng Susy, Sam, làm nghề chụp ảnh, ít khi ở nhà, một hôm vừa trên máy bay bước xuống thì có một phụ nữ vào phi trường, nhờ cầm giúp một con búp-bê, trước khi bà ta gặp một tên côn đồ, đòi lấy con búp-bê ấy. Nhưng sau đó không tìm thấy phụ nữ này đâu cả nên Sam đem về nhà, đưa cho Susy, và cô này cất giấu rất kỹ, vì đoán rằng trong con búp-bê chắc phải có gì bí mật.

Người phụ nữ ấy tên là Lisa bị tên côn đồ giết chết và đem vào căn hộ của Susy. Sau đó hai tên côn đồ khác cũng vào nhà Susy để tìm con búp-bê, vì trong đó có chứa một gói heroin đắt giá.

Vì Susy mù, và Sam vắng nhà, nên ba tên côn đồ dùng đủ thủ đoạn để thuyết phục cô ta lấy con búp-bê đưa cho chúng. Một tên giả làm bạn của chồng cô là Sam, một tên khác giả làm cảnh sát. Chúng bảo Susy phải tìm ra con búp-bê đưa cho chúng vì chồng Susy là Sam đang gặp rắc rối với con búp-bê này.

Tuy nhiên Susy dù mù, rất thông minh và nhiều sáng tạo. Cô đã dùng ngay hoàn cảnh mù tối của mình mà suy ra cái lung tung của bọn cướp khi phải hoạt động trong tối. Nhân một lúc ba tên cướp ra khỏi căn hộ, Susy đã lần lượt đập vỡ tất cả các bóng đèn trong nhà để các tên cướp không nhìn thấy cô đâu cả. Nhờ vậy mà cô đã khống

chế được chúng bằng cách đâm vào lưng tên đầu đảng. Cuối cùng, cảnh sát đã can thiệp và bọn cướp sa lưới. Cuốn phim Wait Until Dark trở thành một trong những phim kinh hoàng hay nhất trong thập niên '60. Người viết phim truyện, Frederick Knott, cốt đưa ra một hoàn cảnh tự vệ của một người hoàn toàn mù và yếu ớt nhưng biết dẫn cả bọn cướp vào khung cảnh mù tối và chế ngự, khuất phục được chúng.

Vấn đề là khi cùng sống trong tăm tối, người mù và người sáng mắt đều lung tung và bị giới hạn như nhau.

Những người ở thành phố đã quen với ánh đèn điện và mọi tiện nghi do điện đem đến, sẽ rất khó chịu khi gặp cảnh cúp điện lâu, vì không còn hoạt động gì được cả. Đó là nói về cảnh bị mất điện ở thành phố và hoàn cảnh tối tăm khi không có ánh đèn.

Mặc dù không trông thấy, nhưng ai cũng biết thế giới loài người đang sống trong một bóng tối rất dày đặc. Điều này phản ánh qua cách con người ứng xử với nhau và với chính bản thân.

Tâm hồn con người cũng nhiều khi chìm trong bóng tối đến nỗi lung tung không biết phải xoay trở ra sao và không tìm thấy một hướng đi nào.. Người ta cần đến ánh sáng để nhìn rõ sự vật quanh mình, biết phân biệt và có thể lựa chọn. Vì trong bóng tối vật lý hay tâm linh, con người đều bất lực. Khi Chúa Giê-xu vào trần gian, Phúc Âm Giảng đã viết:

Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Ban đầu Ngài ở cùng Đức Chúa Trời. Muôn vật bởi Ngài tạo dựng nên, chẳng tạo vật nào không do Ngài. Trong Chúa có sự sống, sự sống là ánh sáng của nhân loại. Sự sáng soi chiếu trong bóng tối, nhưng bóng tối chẳng hề nhận ánh sáng. Ánh sáng

này là ánh sáng chân chính, khi đến thế gian soi sáng mọi người. (Giăng 1:9)

Những lời kể trên đây không thể ám chỉ đến một con người nào khác trong lịch sử nhân loại, ngoài Chúa Giê-xu. Trong bóng tối dày đặc của trần gian, mọi người đều sống trong bóng tối, cùng chia sẻ bóng tối, tranh đấu giành giật, giết hại nhau, thu góp vật chất, chiếm đoạt, lừa dối nhau trong bóng tối. Không con người nào cùng sống trong bóng tối lại có thể hướng dẫn ai ra khỏi bóng tối, dù cho con người ấy có uyên bác đến đâu về triết học hay đạo đức. Những người dắt nhau mò mẫm trong bóng tối chắc chắn mong đợi những vấp vấp, va chạm và thất bại.

Nhân loại không cần nhiều bộ sách triết học, tâm học, lý học, đạo học v.v. nhưng cần một ánh sáng. Cũng như trong một căn nhà mất điện, cần một ngọn đèn chứ không phải những lý thuyết về ánh sáng. Vì dầu cho có lý luận hay đến đâu, kể lý luận cũng sống trong bóng tối., Mặc dù đôi khi có những con người yên lặng tu luyện để riêng mình tìm thấy ý nghĩa của bóng tối. Nhưng để hướng dẫn người khác trong khi mình cùng chìm trong bóng tối là một chuyện hoang tưởng. Chúa Giê-xu là con người duy nhất ở bên ngoài nhân loại bước vào bóng tối cố hữu của nhân loại đem theo một ánh sáng rạng ngời. Ánh sáng là sự sống cho loài người. Đây là loại ánh sáng xuất phát từ Đấng Tạo Hóa, Thánh Khiết, Toàn Năng, Toàn Hảo, Toàn Tri, Vĩnh Hằng.

Tuy nhiên câu Kinh Thánh kể trên nói rằng: *Ánh sáng dọi vào trần gian nhưng bóng tối không nhận hay không chịu chấp nhận.* Có bao giờ trong một căn nhà tối mịt mà người trong nhà phủ nhận một ngọn đèn không? Đây là tình trạng ánh sáng chân lý dọi vào

nhân loại, nhưng kẻ thù của chân lý là ma quỷ làm cho tâm hồn con người mù lòa không nhìn thấy ánh sáng chân lý. Kinh Thánh cho hay rằng: Nếu Tin Mừng còn che khuất, là chỉ che khuất đối với những kẻ hư vong, những kẻ khước từ niềm tin vì chúa đời này làm mù tâm trí họ, khiến họ không thể nào nhìn thấy vinh quang rạng ngời (Ánh Sáng) của Tin Mừng của Chúa Cứu Thế, là Đấng phản ảnh Đức Chúa Trời. (2 Cô-rinh 4:3-4) (NS) Một trong những trở ngại mà nhân loại không nhận Ánh Sáng hay không thể tin Chúa Giê-xu là ma quỷ làm cho lòng hay tâm trí mù lòa. Trên thực tế, con người có thể bị mù lòa vì tình yêu, danh vọng, tiền tài. Trịnh Công Sơn nói rằng: *Tình yêu như trái phá, con tim mù lòa...* Nghĩa là con người có thể đang mắc phải một chứng khiếm thị tâm linh làm cho

không thể quan niệm, nhận thức, nhận định và quyết định. Khi được đưa đến ánh sáng của Lời Chúa là Kinh Thánh, nhiều người thức tỉnh, nhận ra ngay đó chính là thứ ánh sáng cho đêm tối của đời mình, hướng đi cho cuộc sống mình và thêm khát ánh sáng tràn ngập tâm hồn mình. Chính vì vậy mà người ta bằng lòng tin nhận Chúa. Ánh sáng chân lý từ Chúa Giê-xu có năng lực làm cho đời sống người tin nhận được biến đổi. Đây không phải là lý thuyết trừu tượng, vì hằng triệu người từng đến với ánh sáng này để được lành bệnh trong tâm linh, được tái tạo và sống đời sống vĩnh hằng. Có lẽ những điều vừa nói ở trên chưa mấy thuyết phục bạn. Tuy nhiên con người cần nhận ra mình và hoàn cảnh của mình, cần biết rõ nhu cầu của tâm linh cũng như trong vật chất. Chính

ánh sáng trong niềm tin đặt nơi Chúa Giê-xu cho ta biết mình rõ hơn, biết người rõ hơn và nhất là biết nguồn cội của mình là Chúa, Đấng Tạo Hóa, Thánh Khiết, Toàn Năng, Toàn Hảo, Toàn Tri, Vĩnh Hằng. Điều quan trọng là ta không thể tiếp tục sống mãi trong bóng tối của trần gian này vì hoàn cảnh ấy đầy tội ác, nhơ nhuốc và tuyệt vọng. Mời bạn hãy vui lòng hạ mình nhận định và quyết định tin nhận Chúa Giê-xu là Ánh sáng chân chính, để cuộc đời bạn mở ra một trang sử mới với nhiều hạnh phúc và niềm vui.

Nguyễn Sinh

## Đối thoại

- Chị Hai ơi!  
- Gì đó, Tiến?  
- Chị rảnh không?  
Cô giáo Hạnh lau tay vào cái khăn bếp, rồi khoan thai đi lên nhà trên.  
- Cần gì mà kêu chị gấp vậy cậu Út?  
Cu Tiến cười ruồi:  
- Chừng nào chị rảnh, chị giúp em làm bài tập làm văn này nghe.  
- Ừa, chị giúp em sao được? Em phải cố gắng làm đi chứ. Cô giáo giảng làm sao?  
Cu Tiến gãi đầu:  
- Cô Hiền giảng nghĩa có một chút hà, em không hiểu gì hết trơn.  
- Đầu đưa chị coi, đề bài là gì?  
- Dạ, cô Hiền biểu tả một con vật.  
- Dễ quá. Thiếu gì con vật xung quanh em. Nhà mình có con Mực đó.  
- Nhưng mà khó quá hà. Em không biết tả.  
- Thì em thấy làm sao, tả như vậy, rồi thêm vào phần cảm nghĩ của mình. Ráng đi cậu Út. Hôm nay chị xào ướp, bún tàu với lòng gà, nấm rơm,

món khoái khẩu của em đó. Làm bài xong rồi ăn cơm.  
Cu Tiến ngồi thộn mặt ra, dăm chiêu nghĩ ngợi một lát rồi cúi xuống hí hoáy viết.  
Sau bữa cơm, dọn dẹp rửa chén xong, Tiến rụt rè đưa bài văn cho cô Hạnh.  
- Đây, em viết rồi nè. Chị coi lại dùm em nhe.  
Nhà em có một con chó. Nó tên Mực. Mình nó màu đen, nhưng không phải da nó đen. Da nó trắng, tại lông nó màu đen, nên nó đen. Nó có hai lỗ tai, hai con mắt, một cái miệng, một lỗ mũi, như em vậy, nhưng mà thấy rất khác em. Nó có đuôi giống con mèo hàng xóm, nhưng đuôi nó cũng khác với đuôi con mèo. Khi nó vui, thì đuôi nó vểnh lên, ngoắt ngoắt. Còn khi nó buồn thì đuôi nó cụp xuống. Hồi nhỏ, em hay kéo đuôi nó chơi, nó ghét lắm, nhe răng gừ em hoài, nên bây giờ em không làm nữa. Con Mực thích ăn cà-rem giống em nên khi em có tiền mua cà-rem, thì mua 1 cây cho em, 1 cây

cho con Mực. Còn khi không có tiền thì em chia cho nó nửa cây loại cà-rem thường, còn cà-rem đậu xanh đặc biệt thì em chỉ cho nó một miếng nhỏ thôi. Con Mực rất thương người. Khi thấy có người lạ tới nhà thì nó chạy ra mừng, còn gặp mấy con gà của mẹ em nuôi thì nó ghét, nó rượt chạy trốn chết. Buổi tối con Mực nằm ngủ dưới chân giường em nên có khi bị chết nháy lên cắn em rất ngứa. Em thương con Mực và con Mực cũng thương em.  
Cô Hạnh bậm môi cố nhịn cười để đưa em nhỏ không nản lòng.  
- Được không chị Hai?  
- Ờ, cũng có nhập đề, thân bài, kết luận, có nhận xét chính xác, miêu tả linh động, nhưng Tiến ơi, khi làm văn, em không thể viết như em nói chuyện được. Em phải viết khác.  
- Khác làm sao?  
Cu Tiến đau khổ phụng phịu vì thấy tương lai “tăm tối” của bài văn của nó.

Thôi phen này chắc là phải làm lại nữa rồi.

Hạnh cất giọng tội nghiệp:

- Em lại dùng tú sách của chị, lấy xem quyển những bài tập làm văn mẫu, coi người ta viết làm sao, rồi bắt chước như vậy. Được không? Ráng lên đi, bài này mà làm khá, chị sẽ dẫn đi ăn chè sâm bổ lượng.

Nghe nói đến ăn, mặt thằng bé tươi lên. Thế rồi, sau khi đọc bao nhiêu bài mẫu và phải sửa lại bài văn ba lần, rốt cuộc bài tả con chó của cu Tiến cũng xong. Tuần sau, ngày nó nhận lại bài, cu Tiến reo la từ nhà trên xuống nhà dưới, vì nó đã được điểm khá của cô Hiền, và dĩ nhiên nó không quên châu chè chị Hai đã hứa.

Cô Hạnh giữ lời, dẫn Tiến đi ăn sâm bổ lượng. Thằng bé ăn một cách sung sướng, nhìn nhin từng mẫu hột sen, nhân nhục. Đột nhiên, thằng Tiến như sực nhớ ra chuyện gì, vội hỏi cô Hạnh: - Chị Hai, thiện ngư là con cá hiền, phải không chị? Thấy chưa, em cũng biết tiếng Hán Việt chứ bộ.

Cô Hạnh bật cười:

- Ở đâu mà tự nhiên em hỏi chị chuyện này vậy? Thiện ngư là tên chữ của con lươn, chứ không phải là con cá hiền.

Thằng Tiến tròn tròn mắt:

- Chèng ơi, thiệt vậy hả chị Hai? Vậy là đúng rồi!

- Cái gì đúng?

- Thằng bạn ngồi kế em tên là Ngư. Chị nó tên là Thiện. Vậy chị em nhà nó là "Thiện Ngư." Hai chị em nó hiền lắm, nên em tưởng thiện ngư là con cá hiền, đầu dè đó là con lươn. Hèn chi nó nói với em là nhà nó ưa ăn lươn lắm, tuần nào cũng ăn, chị Hai thấy kỳ cục không?

Hạnh xoa đầu thằng em ngây thơ, rồi hối nó ăn nhanh để về, nhưng trông thằng bé còn muốn nói điều gì nữa.

- Chị Hai, thầy Hùng dạy Toán chung trường với chị, khen chị viết văn hay. Cô Hạnh cảm thấy đôi má nóng bừng.

- Tại sao em biết?

- Tại chị Thiện là học trò thầy Hùng. Chị kể thầy Hùng nói trong lớp là cô Hạnh viết văn rất hay. Bài diễn văn

ông Hiệu trưởng đọc ngày Nhà Giáo, ai cũng khen, là do cô Hạnh viết.

Hạnh mỉm cười, không trả lời. Khi Hạnh 17 tuổi, mẹ mới sanh cu Tiến. Năm nay cu Tiến học lớp Ba. Nó thích học toán, ghét làm văn. Thằng nhỏ tóc húi cua, nước da đen dòn vì nắng gió, đôi mắt tròn tinh anh như xen lẫn nụ cười, ai thấy cũng thương. Nó lại có cái lúm đồng tiền bên má trái nữa chứ. Thằng Tiến quả là niềm vui, nụ cười và là tuyệt đỉnh yêu thương của cả nhà. Được cưng vậy đó, thế mà nó rất ngoan ngoãn dễ dạy. Thật là món quà quý báu Trời cho.

Gia đình cô Hạnh sống êm đềm tại một huyện ngoại thành. Hạnh mới tốt nghiệp trường Sư Phạm, về dạy Văn ở đây được một năm nay. Thầy Hùng nổi tiếng dạy Toán giỏi. Có lần Hạnh đến sớm trong buổi họp giáo viên, tình cờ nghe các thầy cô bàn tán về thầy Hùng: "*Thầy Hùng dạy giỏi, nhưng có vẻ cuồng tín quá.*" Hạnh tò mò hỏi khê: "*Cuồng tín thế nào?*" Một người trả lời: "*Bộ cô chưa thấy ông ôm đàn ghi-ta ngồi hát một mình dưới gốc cây phượng sao? Người ta hát những bài ca ngợi tình yêu và quê hương dân tộc, còn ông hát là dù ông có cả thế gian cũng không bằng có Chúa, dù ở nhà lá mà có Chúa cũng thành thiên cung. Nghe có cuồng tín không chứ?*"

Cô Hạnh cũng cảm thấy lạ nhưng chỉ để trong lòng.

Thời gian qua nhanh, thắm thoát đã sắp đến mùa bãi trường. Trong buổi họp giữa Ban Giám Hiệu và Ban Giáo Viên, mọi người bàn bạc về Lễ Ra Trường sắp tới. Năm người được cử vào ban Tổ Chức: ông Hiệu trưởng điều hành chung, bà Hiệu phó lo tài chánh, thầy Phong lo âm thanh, sân khấu, thầy Hùng trách nhiệm văn nghệ, và cô Hạnh soạn lời giới thiệu và hướng dẫn chương trình. Ông Hiệu trưởng dặn thầy Phong, thầy Hùng và cô Hạnh thứ bảy này đến trường họp chương trình chi tiết để trình bày trong buổi họp kỳ sau.

Ngày thứ bảy, đúng hẹn 2 giờ chiều, cô Hạnh đến trường, đã thấy thầy Hùng có mặt ở đó. Thầy đem theo một

tập đầy đầy đủ những bản nhạc và cả cây đàn ghi-ta nữa. Chờ đến 2 giờ rưỡi vẫn chưa thấy bóng thầy Phong, thì có người nhà chạy lại báo rằng thầy Phong nhắn lời xin kiếu buổi họp để đưa vợ đi sanh. Thế là chỉ còn thầy Hùng và cô Hạnh. Hai người họp đến 4 giờ rưỡi thì xong. Cô Hạnh đứng dậy chuẩn bị ra về. Bỗng trời tối sầm; cơn mưa lớn bất chợt ụp đến. Không ai chuẩn bị đem dù hay áo mưa nên cô Hạnh, thầy Hùng đành nán lại chờ mưa tạnh. Thầy Hùng vói tay lấy cây đàn, rải một hợp âm, rồi cất giọng hát trầm ấm, "*Tuy tôi có cả thiên hạ, nhưng mất Giê-xu. Vui chăng sống bơ vơ một đời vô chủ?*" Cô Hạnh nhủ thầm, "*À, thì ra đây là bài hát khiến các thầy cô bàn tán.*" Lúc ấy, một cơn gió mạnh tạt vào, thổi tắt cả những bài hát, giấy tờ của thầy Hùng bay tung tóe khắp nơi. Cô Hạnh vội cúi xuống giúp thầy Hùng nhặt lại. Trong đám giấy ngổn ngang ấy, cô thấy có một tấm hình vẽ bằng viết chì rất đẹp cảnh trời lồng lộng, ẩn hiện trên nền là hình Chúa với đôi mắt nhân ái, cuống trang có hình khu vườn, vầng đá, bóng ba cây thập tự và hoa lily. Chính giữa bức hình kẻ hàng chữ chân phương trang trọng:

"Car Dieu a tant aimé le monde qu'il a donné son Fils unique, afin que quiconque croit en lui ne périsse point, mais qu'il ait la vie éternelle."

Cô Hạnh vừa đưa bức hình cho thầy Hùng, vừa tò mò hỏi:

- Bức tranh đẹp quá. Của thầy vẽ hả?

- Bức tranh này do anh Khoa, bạn tôi, là họa sĩ, vẽ tặng. Khoa và tôi chơi thân với nhau từ nhỏ. Lên Trung học, Khoa chọn học tiếng Pháp, tôi cũng theo luôn. Khi chúng tôi gần tốt nghiệp Trung học thì Khoa theo gia đình đi Pháp.

- Còn đây chắc là câu danh ngôn tiếng Pháp? Hồi đó tôi học tiếng Anh nên không hiểu tiếng Pháp. Câu này nói gì vậy thầy Hùng?

- Đây là câu Kinh thánh bằng tiếng Pháp Khoa viết tặng tôi. Tôi quý bức hình này lắm, đi đâu cũng đem theo. Cuộc đời tôi có ít nhiều liên quan đến

bức tranh này. Bây giờ trời mưa chưa về được, cô có cho phép tôi vài phút để thuật lại?

Cô Hạnh khẽ gạt đầu, kéo ghế ngồi xuống.

- Tôi không nói vòng vo, vì tin rằng cô Hạnh có nghe đồn ít nhiều về đức tin của tôi trong Chúa. Tôi sinh trưởng trong gia đình Cơ-đốc nhưng không theo đức tin của cha mẹ. Tôi vào trường Sư Phạm, nhưng sau đó, chỉ đi dạy một năm thì bỏ nhiệm sở, mượn tiền, gom vốn, nhẩy vào con đường thương nghiệp. Tôi tưởng mình khôn ngoan, nhưng đã thất bại hoàn toàn. Năm năm trời, tôi lưu lạc bốn phương, không về thăm nhà. Rốt cuộc, thân bại danh liệt, lại lâm cơn bệnh ngặt nghèo, tôi đành lê thân về nhà, không phải để ăn bám cha mẹ, nhưng để tạ lỗi và nhìn cha mẹ lần cuối cùng, có lẽ cũng nhờ cha mẹ chôn tôi cho có nắm mồ. Tôi về đến nhà, nằm vật xuống giường, người run lên trong cơn sốt, đầu óc hoang mê giữa cõi sống và cõi chết. Cha mẹ tôi nghèo quá, không có tiền đưa tôi đi bệnh viện. Trong lúc mê man ấy, tâm trí tôi bỗng văng lên câu Kinh thánh tôi học hồi nhỏ, là câu tiếng Pháp cô thấy trên bức tranh, có nghĩa là, "*Vì Thượng Đế yêu thương nhân loại đến nỗi ban cho Con Độc Sinh của Ngài, ai tin Con ấy không bị hư vong, mà được sự sống vĩnh cửu.*" Bỗng dưng, cảm nhận được tình yêu Thiên Chúa, tôi thều thào hai chữ "Lạy Chúa" rồi ngất đi. Tôi coi như mình đã chết. Sau mẹ tôi kể lại, ngay lúc ấy, Khoa từ Pháp về, đến thăm tôi đúng lúc. Khoa đem tôi vào bệnh viện chữa chạy, trả hết mọi chi phí cho tôi. Trong những lúc ngồi canh tôi trong bệnh viện, Khoa đã vẽ bức tranh này và viết câu Kinh thánh tặng tôi. Khoa tin Chúa ở Pháp. Khốn khổ cho tôi, chơi với bạn từ lâu mà Khoa không hề biết tôi là gia đình con cái Chúa. Trong thời gian ở bệnh viện, chúng tôi đã nói chuyện với nhau rất nhiều về cuộc sống, về niềm tin. Cô có thấy sự trùng hợp ngẫu nhiên không? Câu Kinh thánh Khoa định làm chứng cho tôi, cũng là câu Chúa đã soi tỏ tâm

linh tôi khi tôi sắp ngất. Hôm nay, tôi cũng muốn chia sẻ với cô câu Kinh thánh ấy....

Cô Hạnh nhanh chóng ngắt lời:

- Cảm ơn thầy đã kể tôi nghe câu chuyện rất cảm động, nhưng xin lỗi thầy, tôi nghĩ rằng, trên đời có nhiều tôn giáo khác nhau, ai tin đạo nấy. Tôi có tôn giáo của tôi và rất thỏa mãn với tôn giáo ấy. Gia đình tôi sống bình an, hạnh phúc, đạo đức. Với tôi, thế là đủ.

- Cô nói vậy tôi mừng cho cô. Nhưng cô suy nghĩ kỹ xem, cô bình an, hạnh phúc khi mọi sự suông sẻ, tốt đẹp theo ý cô, nhưng khi tai họa ập đến, bệnh tật, tai nạn, nghèo đói, già yếu, chết chóc vây quanh, cô có nghĩ rằng lúc đó cô vẫn bình an chứ?

Cô Hạnh ngập ngừng, vì thật sự cô chưa kinh nghiệm những gian khổ trên đời.

Thầy Hùng nói tiếp:

- Rồi khi con người nhắm mắt xuôi tay, ai bảo đảm điều gì cho cô ở bên kia thế giới?

Cô Hạnh nhú mày:

- Không ai biết bên kia sự chết có gì, nên không ai có thể bảo đảm điều gì được.

- Cô nói đúng theo con người, nhưng không đúng với Đấng Tạo Hóa. Các tôn giáo dạy người ta làm lành lánh dữ, nhưng người ta làm dữ nhiều lành ít, làm sao được cứu rỗi? Còn Chúa bảo mình hãy trở về với Đấng Nguyên Thủy, là Đấng sanh được, diệt được. Trong Chúa, chỉ có trở về để được tha thứ, vì con người tội lỗi, không ai đủ công đức để làm một người hoàn hảo.

- Vậy chắc những người theo Chúa là hoàn hảo à?

- Không. Chỉ có Chúa là Đấng Hoàn Hảo, còn chúng tôi chỉ là tội nhân được tha thứ.

- Xin lỗi thầy, nhưng tôi không thấy Chúa của thầy là hoàn hảo. Thử nhìn xem thế giới đầy bất công và đau khổ, thì thầy giải thích thế nào?

- Cô lấy lòng người đo lòng Trời, thì làm sao đo cho vừa! Như em bé đem cái muỗng và chiếc xô ra bờ biển để đong đại dương, sẽ không bao giờ biết

được đại dương mênh mông dường nào. Con người chúng ta còn chưa hiểu lẫn nhau, làm sao có thể hiểu Đấng Tạo Hóa? Những điều Chúa làm, hoặc Chúa cho phép xảy ra, chúng ta sẽ không hiểu hết được, cho đến khi chúng ta gặp Chúa.

Cô Hạnh thoáng nhìn ra cửa sổ.

- Trời đã bớt mưa, thôi tôi xin phép về.

Rồi cô nhanh chóng bước ra, miệng lẩm bẩm, "Ông này đúng là cuồng tín."

Mấy tuần sau, cô Hạnh luôn tránh mặt thầy Hùng. Ngoài những giờ họp chung, cô Hạnh không dành một cơ hội nào để phải gặp riêng thầy Hùng như hôm nọ. Bên ngoài thì vậy, nhưng trong thâm tâm, cô Hạnh cảm thấy bất an khi nhớ đến lời của thầy Hùng. Sự bình an cô có từ nào đến giờ là sự bình an tự nhiên trong một hoàn cảnh không bị thách thức. Bây giờ, khi thầy Hùng đặt những câu hỏi ngược lại, cô thấy mình có nhiều nghi vấn. Có khi đang ngồi soạn bài, cô cứ thờ người suy nghĩ. Ban đêm, cô trằn trọc không ngủ được, và nhiều câu hỏi lờn vờn trong tâm trí. Thật vậy, con người từ đâu đến, sống để làm gì, và sẽ đi về đâu? Ai trả lời được những câu hỏi này? Cô tin là có Ông Trời nhưng chưa bao giờ cảm thấy gần gũi với nhân vật này. Ông Trời có phải là Chúa của thầy Hùng không? Cuồng tín là mù quáng tin mãnh liệt vào điều không tưởng; còn thầy Hùng tin vào Chúa. Nếu Chúa là Ông Trời, Chúa có thật, Chúa thương yêu và Chúa ban phước thật, thì thầy Hùng đâu có cuồng tín! Cô tranh chiến trong lòng, vừa cảm thấy bức tức, hờn giận vu vơ, vừa cảm thấy xúc động trong những điều thầy Hùng chia sẻ. Cô Hạnh thật là bối rối. Rồi niên học trôi qua. Lễ Bãi Trường thành công tốt đẹp. Thầy cô và học sinh nghỉ hè. Chiều nay, cô Hạnh ngồi đọc sách trong cái nóng hầm hập của mùa Hè. Cô vịn quạt máy suốt buổi nhưng mồ hôi vẫn thấm ướt lưng áo. Nhìn đồng hồ đã gần 5 giờ chiều, cô đứng dậy chuẩn bị nấu cơm, thì thằng

bé trong xóm chạy a tới, đập cửa nhà cô, hét vang:

- Cô Hạnh ơi, Cô Hạnh! Thằng Tiến tắm sông bị chết chìm rồi!  
Cô Hạnh nghe lòng bùng nổ tai, tối tăm mảy mảy. Cô buông rơi nồi cơm, nước, gạo đổ tung tóe trên sàn nhà. Cô muốn xỉu, nhưng cố giữ bình tĩnh, vội bảo thằng bé dẫn cô ra bờ sông xem sự thể làm sao. Hồi trưa thằng Tiến có xin phép ra tắm sông, hẹn 4 giờ về. Hèn chi đến giờ này vẫn chưa thấy nó về. Từ nhà cô ra bờ sông chỉ chừng 15 phút, cô vừa đi vừa chạy, bỏ cả giày dép, mà sao như chạy hoài không thấy tới. Từ xa, cô đã thấy đám đông tụ họp huyên náo, bàn tán, chỉ trở lưng tung. Cô nhào tới, vệt mọi người ra bằng sức mạnh phi thường. Có người cự nự nhìn cô với vẻ bất bình, nhưng ngay lúc đó, thím Tư nhận ra cô Hạnh, liền chụp tay cô kể huyền thuyên: “Thằng Tiến đi tắm sông với mấy đứa bạn. Nó đứng trên cầu nhảy xuống, không dè ngay lúc thằng Bầy bơi ngang qua, hai đứa đập đầu vào nhau, chìm lìm dưới nước, mấy đứa bạn mò xuống vớt mà nước sâu, chảy xiết quá, mò không ra. May có thầy Hùng đi qua, thấy vậy, nhảy xuống, vớt được thằng Bầy lên rồi. Bây giờ ông đang lặn xuống, mò kiếm thằng Tiến kia kìa.” Bà con hàng xóm đã đem thằng Bầy về Trạm Y Tế cấp cứu. Còn đám đông vẫn hiếu kỳ tụ tập, nhìn ra dòng sông, hồi hộp theo dõi bóng thầy Hùng trôi lên lấy hơi, rồi lặn xuống, cứ trôi lên lặn xuống hoài, không biết có vớt được thằng Tiến hay không? Một lát sau, mọi người reo vui khi thấy một cái đầu nhô lên trên mặt nước, cặp theo cái đầu của một thằng bé. Thầy Hùng có lẽ đã quá đuối sức nên hai cái đầu cứ hi hục thụt ló trên mặt nước mãi lâu sau, mới vô tới bờ, rồi thầy té vật xuống bất tỉnh. Trong tiếng reo hò của bà con, cô Hạnh méo máo khóc mừng thấy lại đứa em yêu quý. Thằng Tiến đã ngất đi từ hồi nào, mặt mày tái mét, tay chân mềm nhũn, cái bụng ướng nước chang bang. Đến bệnh viện cấp cứu, thằng Tiến tỉnh lại, nhưng còn yếu nên chưa về

nhà được. Cô Hạnh sang phòng bên, thăm chừng xem thầy Hùng đã khá chưa. Bác sĩ sợ thầy Hùng bị nước nhiễm vô phổi, nên cũng giữ lại vài hôm để theo dõi tình trạng. Cô Hạnh đứng cạnh giường, yên lặng nhìn thầy Hùng nằm nhắm mắt, hơi thở nặng nề. Một lát sau, thầy trở mình, thoáng thấy cô Hạnh, thầy mỉm cười. Cô Hạnh nói giọng xúc động: - Tôi không biết nói lời nào để cảm ơn thầy. Thầy đã liều mạng sống cứu em tôi. Thật là, nếu em tôi có mệnh hệ nào thì chắc mẹ tôi không sống nổi, mà tôi cũng không sống nổi... Nói đến đây, cô Hạnh cảm động nghẹn lời, nước mắt chan hòa. Thầy Hùng ngược nhìn cô đăm chiêu: - Tôi chỉ làm một việc bình thường giữa người và người. Ai thấy người chết mà không cứu? Vậy mà cô rơi lệ cảm ơn tôi. Còn Chúa Giê-Xu từ trời đến thế gian, chịu khổ hình, chịu chết vì cô, vì mọi người, mà cô đứng đưng, coi như việc đó không liên quan gì đến mình, tôi lấy làm lạ lắm. Tôi không hiểu nổi... Rồi thầy mệt mỏi nhắm mắt lại. Cô Hạnh ngừng khóc, đăm đăm nhìn thầy Hùng một lát rồi đi ra. Buổi tối đó, cô ngồi bên cạnh giường thằng Tiến, nhìn lên bầu trời. Trong màn đêm, các ngôi sao lung linh nhấp nháy như reo mừng đón chào cô, như mời gọi cô hãy mạnh dạn quyết định điều tối hệ trọng cho linh hồn mình. Sáng Chúa nhật, cô mặc chiếc áo dài trắng, lần đầu tiên đến nhà thờ. Cô ngồi lạ lẫm, thu mình trong góc, như muốn biến mất giữa đám đông. Tan giờ nhóm, cô vẫn còn ngồi đó, vì không biết phải bắt đầu từ đâu. Vị mục sư đến chào cô, thăm hỏi, rồi cận kề giải thích về tình yêu Thiên Chúa, sự cứu chuộc qua Chúa Cứu Thế Giê-xu, và kỳ diệu thay, ông lặp lại câu Kinh thánh thầy Hùng đã nói với cô, “*Vì Thượng Đế yêu thương nhân loại...*” Cô Hạnh lặng người ngồi nghe, nước mắt chảy dài hồi nào không hay.

## Bình Minh

## Mả Cũ Bên Đường

Thi sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1889-1939) là một bậc đàn anh trong thi ca Việt Nam đầu thế kỷ 20. Trong những bài thơ nổi tiếng, có bài sau đây:

**Chơi lâu nhớ quê về thăm nhà  
Đường xa, người vắng bóng chiều tà  
Một dãy lau cao, đàn gió chạy  
Mấy cây thưa lá sắc vàng pha**

**Ngoài xe trơ một nắm đất đỏ  
Hang hốc đùn lên đám cỏ gà  
Hồi người dưới mả ai ai đó  
Biết có quê đây hay vùng xa?**

**Hay là thuở trước khách binh đao  
Hám đạn, liều tên quyết mũi dao  
Cửa nhà xa cách, vợ con khuất  
Đa ngựa gói bỏ lâu ngày cao.**

**Hay là thuở trước khách văn chương  
Chen hội công danh lỡ đoạn đường  
Tài cao, phận thấp chí khí uất  
Giang hồ mê chơi quên quê hương.**

**Hay là thuở trước khách hồng nhan  
Sắc sảo, khôn ngoan trời đất ghen  
Phong trần xui gặp bước lưu lạc  
Đầu xanh theo một chuyến xuân tàn.**

**Hay là thuở trước khách phong lưu  
Vợ con, đàn hạc đề huê theo  
Quan san xa lạ, đường lối khó  
Ma thiêng, nước độc phong sương nhiều.**

**Hay là thuở trước bậc tài danh  
Đôi đôi, lứa lứa cũng linh tinh  
Giận duyên, tủi phận hờn ân ái  
Đất khách nhờ chôn một khối tình.**

**Suối vàng sâu thăm biết là ai?  
Mả cũ không ai kể đoái hoài  
Trải bao ngày tháng trơ trơ đó  
Mưa dẫu, dãi nắng, trắng mờ soi.**

**Ấy thật quê hương con người ta  
Dặn bảo trên đường những khách qua  
Có tiếng khóc oe thời có thể  
Trăm năm ai lại biết ai mà?**

Bài thơ này làm từ những năm đầu của thế kỷ 20, phản ánh rất nhiều nhân sinh quan của nhà thơ. Chỉ nhìn

một nắm đất bên đường mà mừng  
tưởng ra năm loại người có thể đã nằm  
dưới đó, nhà thơ thật nhiều tư tưởng  
phong phú.

Ông tưởng tượng người nằm dưới mả  
là một chiến sĩ, sa trường da ngựa bọc  
thây, vợ con xa cách, vùi thân nơi đất  
người.

Cũng có thể là một chàng học trò, thi  
mãi chẳng đỗ, cuối cùng thân bại danh  
liệt, sa vào tửu sắc và chết vô thừa  
nhận.

Lại có thể là một cô gái phong trần  
lưu lạc và bệnh hoạn hay tuổi già bị  
xã hội ruồng bỏ, nằm xuống cũng như  
Đạm Tiên vậy.

Hay là một người giàu có, phung phí  
tiền của vào những cuộc vui trong đời,  
đến cuối cùng chết vì ma thiêng  
chương khí.

Hoặc một trang giai nhân bị người đời  
xé tan nát cuộc đời và ruồng rẫy cuối  
cùng đã quyên sinh cho khỏi lấm than.

(Dám có thể là một trang công tử!)  
Cả năm mẫu người tưởng tượng đó  
đều chấm dứt bằng một số phận: "Mả  
cũ không ai kẻ đoái hoài"

Dĩ nhiên chưa chắc người nằm dưới  
mả cũ bên đường ấy đã là một trong  
năm con người tưởng tượng kia.

Nhưng dưới suy tư của một nhà thơ, ta  
cũng không khỏi bồi ngùi thương tiếc.

Quê hương của đời người, dù là ai,  
cũng vẫn là một nắm đất hay một nơi  
chôn cất nào đó. Dù sang trọng, có  
người thăm nom, cúng kiến hay bị bỏ  
mặc bên đường, cũng vậy thôi.

Hành trình đời người, dù là ai, cũng sẽ  
dừng lại ở một nắm mồ, ở cát bụi. Bao  
nhiều thành công hay thất bại cũng  
chấm dứt ở đó. Một thời gian sau đó,  
không ai còn nhớ đến nữa.

Tản Đà gọi nắm đất bên đường hay  
bất cứ ngôi mộ nào, cũng là *quê hương  
con người ta*. Ôi, phải chăng cát bụi là  
quê hương, nơi sống ở thác về?

Thật ra đó mới chỉ là cái nhìn về thân  
xác, tức là thể chất hữu hình của con  
người. Xác người nằm bên đường, hay  
trong nghĩa trang nào đó, nhưng linh  
hồn đi về đâu? Nhà thơ không nêu  
câu hỏi này, vì quan niệm chết là hết.

Quan niệm đơn giản như thế cũng tạm  
yên, nhưng con người với tất cả khôn  
ngoan và óc sáng tạo, không thể cùng  
vạn vật ngã xuống bụi đất và chấm  
dứt. Ai cũng biết như thế, người vô  
thần cũng còn tin như vậy, tin rằng  
không phải chết là hết.

Sách Truyền Đạo trong Kinh Thánh  
Cựu ước ghi rằng:

(Con người) "*bụi tro trở vào đất y như  
nguyên cũ và thần linh trở về nơi Đức  
Chúa Trời là Đấng đã ban nó.*"

Thân xác chôn vùi dưới đất nhưng  
linh hồn trả về Tạo Hóa là đấng đã  
sinh thành ra nó.

Tản Đà bi quan thật! Nhưng cái bi  
quan đó có hàm chứa tuyệt vọng. Vì  
con người khóc chào đời, qua tuổi sơ  
sinh, ấu nhi, thiếu nhi, thiếu niên,  
thanh niên, đứng tuổi, trung niên, cao  
niên và chết. Trăm năm ngắn ngủi  
chẳng mấy chốc cũng qua và đời  
người chìm vào cây cỏ vạn vật.

Tuy nhiên những ai đã tin nhận Chúa,  
là nguồn cội của sự sống, mà sự sống  
sẽ trở về, biết rõ rằng chết không phải  
là chấm dứt. Vì linh hồn vẫn tồn tại,  
mặc dù ở trạng thái an nghỉ.

Thưa quý vị và các bạn, vấn đề là  
cuộc sống của mỗi chúng ta không  
chấm dứt ở một nắm mồ đâu, nhưng  
còn tiếp diễn bên kia nắm mồ nữa.

Đây không nói về vong hồn hay hồn  
ma, nhưng nói về linh hồn.

Mỗi người khi còn sống, cần phải có  
quyết định về linh hồn của mình. Khi  
ta tin nhận Chúa thì linh hồn ta hoàn  
toàn trong tay Chúa. Ta không còn lo  
sợ bị trừng phạt, vì tin Chúa thì được  
thứ tha mọi tội lỗi và được tái tạo.

Quyết định tin Chúa tức là bằng lòng  
trao linh hồn vào tay Chúa và được  
Chúa hướng dẫn trong cuộc đời trần  
gian cũng như sau trần gian này.

Mời bạn tin nhận Chúa, vì bạn không  
thể sống mà không có Chúa.

Bạn chỉ cần thành tâm cầu nguyện với  
Chúa, và tìm đến những người tin  
Chúa để cùng xây dựng đời sống tâm  
linh cho vững mạnh.

Nên nhớ rằng, sẽ có một ngày bạn  
nằm xuống, tại một nghĩa trang nào

đó, nhiều người sẽ thương tiếc bạn,  
nhưng không ai có thể làm gì cho bạn  
nữa cả. Nhưng nếu bạn tin nhận Chúa  
là Đấng sinh thành ra bạn, cứu vớt bạn  
khỏi phạm trần, Chúa sẽ chờ đón bạn,  
và bạn sẽ an nghỉ thật sự, dù thân xác  
đặt vào lòng đất.

Nguyễn Sinh

## Iraq ở đâu?

Ngày nay không ai là không biết đến Iraq.  
Tuy nhiên, có lẽ người ta chỉ biết Iraq  
trong thời đại của Saddam Hussein, tức là  
một nước thuộc thế kỷ 20. Không mấy ai  
biết gốc gác của Iraq từ nghìn năm xưa,  
nhất là quan hệ rất nhiều đến lịch sử dân  
tộc Israel ghi lại trong Kinh Thánh. Sau  
đây là một số địa danh trong Kinh Thánh  
thuộc về lãnh thổ Iraq từ nghìn xưa:

1. Vườn Ê-den vốn ở Iraq.
2. Mesopotamia, vốn là cái nôi của  
văn minh cổ thời, ở Iraq.
3. Ông Nô-ê đóng tàu tại Iraq.
4. Tháp Ba-bên ở Iraq.
5. Áp-ra-ham ông tổ của người  
Israel xuất thân từ U-rơ (Ur)  
thuộc Iraq.
6. Bà Rê-bê-ca, vợ ông I-sác sống  
tại Nahor, thuộc Iraq.
7. Gia-cốp gặp Ra-chên tại Iraq.
8. Nhà tiên tri Giô-na đi giảng cho  
Ni-ni-ve, trên bờ sông Tigre ở  
Iraq.
9. Đế quốc A-si-ry xâm lăng và  
thống trị Israel cũng từ Iraq.
10. Ba-by-lôn là kinh đô của người  
Canh-dê, vốn ở Iraq.
11. Đa-ni-ên bị bỏ vào hang sư tử tại  
Iraq.
12. Nê-bu-cát-nết-sa, vua Ba-by-lôn  
lưu đầy người Israel sang Iraq, tức  
là Ba-by-lôn.

Ngoài ra người ta còn nói rằng: Tiên  
tri Ê-xê-chiên rao truyền sứ điệp tại  
Iraq, ba nhà thông thái từ Iraq đi tìm  
Chúa Giê-xu; Phi-e-rô đi giảng tại  
Iraq.v.v.

## Câu Chuyện Sau Cùng

### Phép Lạ

**T**rong đời thỉnh thoảng ta vẫn nghe người ta nói đến phép lạ, và câu chuyện phép lạ hay gây chú ý. Nhưng có tin phép lạ hay không lại là chuyện khác. Khi Chúa Giê-xu ở trần gian, Sứ đồ Ma-thi-ơ ghi lại hai lần, những lãnh đạo thuộc giới đạo sĩ Do-thái giáo có ý thử Ngài, nên đến yêu cầu Chúa làm một dấu lạ “từ trời xuống”. Các vị này thường chống đối nhau về giáo lý căn bản, nhưng lại hội ý để cốt tìm ra bí quyết về quyền năng của Chúa. Nhưng cả hai lần thỉnh cầu, Chúa Giê-xu đều khước từ, không phải vì Chúa không có quyền năng, nhưng vì động cơ xin dấu lạ không chính đáng. Thực ra lúc ấy Chúa làm rất nhiều phép lạ đến nỗi Sứ đồ Giăng từng ghi rằng: *Còn nhiều việc nữa mà Chúa Giê-xu đã làm, nếu người ta cứ từng việc mà ghi lại, thì ta tưởng cả thế gian không thể chứa hết sách người ta ghi chép vậy.* (Giăng 21:25) Trong cả hai lần họ đòi Chúa làm dấu lạ từ trời, Chúa đều trả lời là không cần phép lạ nào khác hơn là phép lạ Giô-na. Ai đọc Kinh Thánh cũng biết câu chuyện nhà tiên tri Giô-na được Chúa sai đi truyền rao sứ điệp trừng phạt kinh thành tội ác Ni-ni-ve, nhưng ông trốn tránh, bị bão lớn trên biển, bị ném xuống biển, cá nuốt ba ngày ba đêm rồi nhả ra trên bờ biển. Sau đó ông vâng lời Chúa truyền và thành Ni-ni-ve thật lòng ăn năn hối lỗi, được Chúa khoan dung tha phạt. Chúa không làm dấu lạ hay phép lạ cho các vị đạo sĩ Do-thái là vì Chúa biết rõ họ chỉ thử “tài” Chúa, chứ không có lòng kính trọng hay tôn thờ.

Đây cũng là lý do mà ngày nay không nhiều phép lạ xảy ra, dù người ta đòi hỏi và trông tìm rất nhiều.

Chúa làm phép lạ không phải để phô trương hay khoe khoang, nhưng để cứu vớt người thống khổ và cho người ta thấy rõ Chân Thần để ăn năn hối lỗi và tôn thờ.

Khi nào có động cơ ăn năn hối lỗi và tôn thờ Chúa thì thường phép lạ xảy ra.

Hơn nữa nhiều người ngày nay cũng có thái độ “thử” Chúa trong việc đòi phép lạ. *Như bảo rằng, nếu Chúa chữa bệnh cho má tôi, thì tôi tin Chúa; hoặc nếu Chúa cho tôi tìm được việc làm tốt thì tôi tin Chúa* v.v. Phép lạ trong các trường hợp ấy ít khi xảy ra vì có động cơ “thử” Chúa.

Ngày xưa cũng như hiện tại, nếu ta bình tâm suy nghĩ, ta thấy vô số phép lạ đã và đang xảy ra. Nan đề không phải là không có phép lạ, nhưng là: *Ta có nhận ra những phép lạ vĩ đại như Chúa Giê-xu sống lại từ cõi chết hay không? Ta có hết lòng tin Chúa, sẵn lòng ăn năn hối lỗi và tôn thờ Chúa hay không?*

Khi nào động cơ là Tin Chúa, ăn năn hối lỗi, tôn thờ Chúa làm chủ cuộc đời thì phép lạ sẽ xảy ra. Hãy tin như vậy. Lòng tin phải đi trước phép lạ là như thế.

CTM